

AAT SERVICES CO., LTD.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2410949/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084

Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn>

84.4.2.2410949

THANG LONG INVEST GROUP & NICHELLE GROUP

MEMBER

HANOI ICT TOWER PROJECT

CONTRACT SIGNING CEREMONY FOR DESIGN OF

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 29

12/2017 12/2018 12/2019 12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long là Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm và các sự kiện văn hóa thể thao;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Đại lý kinh doanh xuất bản phẩm được phép lưu hành;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, khu vui chơi giải trí và công trình văn hóa;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh khu vui chơi giải trí (Trừ loại Nhà nước cấm), văn hóa thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thông đa phương tiện (Trong lĩnh vực Nhà nước cho phép);
- Tư vấn đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp; tư vấn đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán);
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và kim loại quý khác (không bao gồm các loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành kim hoàn;
- Tư vấn, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức;
- Dịch vụ chuyên môn về vàng, bạc, đá quý: cân thử, xác định chất lượng, sửa chữa, tư vấn thời trang vàng, bạc, đá quý;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành kim hoàn;
- Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực: kim hoàn, ngoại ngữ, tin học, quản trị văn phòng, chiến lược kinh doanh, marketing (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Lập trình máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ (Không bao gồm các loại gỗ và lâm sản Nhà nước cấm);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Môi giới thương mại, đại diện thương nhân và xúc tiến đầu tư (trong kinh doanh vàng);
- Dịch vụ lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin vui chơi giải trí với phát thanh, truyền hình, điện thoại và các phương tiện thông tin đại chúng (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- Phát triển phần mềm máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;

- Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp vừa và nhỏ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, giám sát công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính);
- Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- Tư vấn thi công và lắp đặt hệ thống máy tính và hệ thống tin học, thiết kế, tạo lập trang chủ trên internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông;
- Sản xuất, buôn bán thiết bị tin học, viễn thông, văn phòng, phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ;
- Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm, phần cứng viễn thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đại lý dịch vụ điện tử, tin học, viễn thông, internet và công nghệ thông tin;
- Cung cấp nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên máy tính và mạng điện thoại di động;
- Sản xuất, chế biến, khai thác và mua bán khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Mua bán và cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường: nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường, nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Công nghệ thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận về sản phẩm doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt);
- Dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản);
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty: Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2009 là: 3.949.464.764 VND

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 2.690.343.625 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện phát sinh đã được thuyết minh tại mục 3 phần VII, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Thành viên
Bà Hồ Thanh Hương	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hồ Thanh Hương	Giám đốc
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc */*



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.897.618.762	13.005.318.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.227.557.061	11.290.009.086
1. Tiền	111	V.01	22.227.557.061	11.290.009.086
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	51.377.690.331	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		51.739.598.298	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(361.907.967)	
III. Các khoản phải thu	130		35.823.133.193	1.539.544.205
1. Phải thu của khách hàng	131		260.025.400	1.058.326.783
2. Trả trước cho người bán	132		34.976.747.400	620.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	586.360.393	480.597.422
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1.152.488.678	68.798.982
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.152.488.678	68.798.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.316.749.499	106.965.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.233.521	1.965.872
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		478.438.341	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.789.077.637	105.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.231.107.219	4.841.585.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		10.357.578.684	3.764.376.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.502.654.829	3.517.834.386
- Nguyên giá	222		7.454.177.506	5.028.219.807
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.951.522.677)	(1.510.385.421)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	871.930.555	246.541.666
- Nguyên giá	228		1.021.000.000	305.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.069.445)	(58.458.334)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	4.982.993.300	
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.654.533.864	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.004.533.864	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8.650.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		34.218.994.671	77.209.586
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	418.994.671	77.209.586
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000.000	
4. Lợi thế thương mại	269		28.800.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		174.128.725.981	17.846.903.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.816.816.669	2.055.978.552
I. Nợ ngắn hạn	310		27.044.083.559	1.451.887.788
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	4.888.930.232	
2. Phải trả người bán	312		2.370.157.319	145.709.281
3. Người mua trả tiền trước	313		3.195.237.161	864.302.350
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.093.016.810	250.319.117
5. Phải trả người lao động	315		207.265.121	120.308.000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	42.646.452	21.600.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	15.246.830.464	49.649.040
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		12.772.733.110	604.090.764
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		12.000.000.000	
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	760.391.110	591.748.764
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		12.342.000	12.342.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.688.440.448	15.790.925.231
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	108.688.440.448	15.790.925.231
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		105.957.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		41.096.823	41.096.823
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.690.343.625	749.828.408
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		25.623.468.864	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		174.128.725.981	17.846.903.783

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	6.049.600.556	6.761.843.792
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	6.049.600.556	6.761.843.792
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	3.664.056.011	4.620.288.181
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.385.544.545	2.141.555.611
6. Doanh thu tài chính	21	VI.29	25.827.063.894	7.398.641
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	19.281.816.028	96.498.523
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		372.849.613	96.498.523
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.700.996.762	1.781.162.440
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.229.795.649	271.293.289
11. Thu nhập khác	31		328.803.798	50.001.650
12. Chi phí khác	32		737.795.077	314.903.149
13. Lợi nhuận khác	40		(408.991.279)	(264.901.499)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.820.804.370	6.391.790
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	871.339.606	26.497.506
16. Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>3.949.464.764</u>	<u>(20.105.716)</u>
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		644.062.821	
18.2 Lãi thuộc về các cổ đông của Cty mẹ	62		<u>3.305.401.943</u>	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			


Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng



Trần Xuân Đại

Giám đốc



Hồ Thanh Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.820.804.370	6.391.790
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.531.748.367	311.003.893
- Các khoản dự phòng	03		361.907.967	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		6.919.112.442	199.869.490
- Chi phí lãi vay	06		372.849.613	96.498.523
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		14.006.422.759	613.763.696
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(34.283.588.988)	(631.985.272)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.083.689.696)	1.039.500
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi)	11		37.760.838.117	9.752.720
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(389.052.734)	130.548.339
- Tiền lãi vay đã trả	13		(372.849.613)	(96.498.523)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(112.437.781)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.000.000.000	20.494.084
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(11.506.246.711)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		16.019.395.353	47.114.544
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.216.308.618)	(961.906.724)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			55.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(42.782.500.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51.739.598.298)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.121.068.360	7.398.641
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(98.617.338.556)	(899.508.083)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
 Năm 2009
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		93.477.000.000	10.700.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		383.186.497	591.748.764
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(324.695.319)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		93.535.491.178	11.291.748.764
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.937.547.975	10.439.355.225
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.290.009.086	850.653.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.227.557.061	11.290.009.086

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thị Thanh Mai

Trần Xuân Đại Thăng

Hồ Thanh Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long là Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư

3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm và các sự kiện văn hóa thể thao;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Đại lý kinh doanh xuất bản phẩm được phép lưu hành;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, khu vui chơi giải trí và công trình văn hóa;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Đầu tư , khai thác, kinh doanh khu vui chơi giải trí (Trừ loại Nhà nước cấm), văn hóa thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thông đa phương tiện (Trong lĩnh vực Nhà nước cho phép);
- Tư vấn đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp; Tư vấn đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán);
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và kim loại quý khác (không bao gồm các loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành kim hoàn;
- Tư vấn, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức;
- Dịch vụ chuyên môn về vàng, bạc, đá quý: cân thử, xác định chất lượng, sửa chữa, tư vấn thời trang vàng, bạc, đá quý;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành kim hoàn;
- Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực: kim hoàn, ngoại ngữ, tin học, quản trị văn phòng, chiến lược kinh doanh, marketing (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Lập trình máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ (Không bao gồm các loại gỗ và lâm sản Nhà nước cấm);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;

- Môi giới thương mại, đại diện thương nhân và xúc tiến đầu tư (trong kinh doanh vàng);
- Dịch vụ lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin vui chơi giải trí với phát thanh, truyền hình, điện thoại và các phương tiện thông tin đại chúng (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- Phát triển phần mềm máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp vừa và nhỏ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, giám sát công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính);
- Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- Tư vấn thi công và lắp đặt hệ thống máy tính và hệ thống tin học, thiết kế, tạo lập trang chủ trên internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông;
- Sản xuất, buôn bán thiết bị tin học, viễn thông, văn phòng, phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ;
- Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm, phần cứng viễn thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đại lý dịch vụ điện tử, tin học, viễn thông, internet và công nghệ thông tin;
- Cung cấp nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên máy tính và mạng điện thoại di động;
- Sản xuất, chế biến, khai thác và mua bán khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Mua bán và cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường: nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường, nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Công nghệ thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận về sản phẩm doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt);
- Dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản);
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Hệ thống kế toán Việt nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính giả định đặt ra

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt được tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có ba công ty con và một công ty liên kết. Chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau :

- 1- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long
- Địa chỉ : Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Hoạt động chính :
- Điện thoại : 04.33735721
- Giá trị ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2009 : 36.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 60%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 60%
- 2- Tên Công ty : Công ty Cổ phần truyền thông TCCK Việt Nam
- Địa chỉ : Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Hoạt động chính : Dịch vụ truyền thông, xuất bản, in ấn...
- Số điện thoại : 04.33735721
- Giá trị ghi nhận tại Công ty ngày 31/12/2009 : 8.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 80%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 80%
- 3- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Văn hóa- Thông tin Thăng Long
- Địa chỉ : Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Hoạt động chính : Dịch vụ truyền thông, xuất bản, in ấn...
- Số điện thoại : 04.33735721
- Giá trị ghi nhận tại Công ty ngày 31/12/2009 : 3.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 20%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 20%

4- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần toà nhà Công nghệ thông tin – Truyền thông Hà Nội
Địa chỉ	:	11A – Hàn Thuyên – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Hoạt động chính	:	Dịch vụ truyền thông, xuất bản, in ấn...
Số điện thoại	:	04.33735721
Giá trị ghi nhận tại Công ty ngày 31/12/2009	:	3.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	:	80%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	80%

3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản hao hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể mà không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá phần vốn góp của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản vốn góp dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định không tham gia và hoạt động sản xuất và hoạt động dưới công suất theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
- Bản quyền, bằng phát minh sáng chế	10 Năm

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để bù trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ.

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng;

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt;

Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
01. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	21.623.908.518	11.281.451.201
- Tiền gửi ngân hàng	105.648.543	8.557.885
- Tiền đang chuyển	498.000.000	
Cộng	<u>22.227.557.061</u>	<u>11.290.009.086</u>
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	2.747.809.067	
- Đầu tư ngắn hạn khác	48.991.789.231	
- Công ty CP Đầu tư BDS Hà Thành vay	22.782.500.000	
- Công ty Cổ phần kinh doanh vàng Quốc tế	20.000.000.000	
- Công ty Hòa Thanh vay	209.289.231	
- Gửi tiết kiệm ngân hàng Nam Việt	6.000.000.000	
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(361.907.967)	
Cộng	<u>51.377.690.331</u>	
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu của người lao động		
- Phải thu khác	423.440.293	480.597.422
- Lãi cho tổ chức, cá nhân vay	162.920.100	
Cộng	<u>586.360.393</u>	<u>480.597.422</u>
04. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.083.689.696	
- Thành phẩm	68.798.982	68.798.982
- Hàng hoá		
- Hàng gửi bán		
- Hàng hoá kho bảo thuế		
- Hàng hoá bất động sản		
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>1.152.488.678</u>	<u>68.798.982</u>

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	2.520.000.000	1.972.397.858	535.821.949	5.028.219.807
- Mua trong kỳ		625.968.182		625.968.182
- Đầu tư XD/CB hoàn thành				
- Tặng khác (tặng do hợp nhất)	1.750.000.000	2.969.172.310	43.217.143	4.762.389.453
- Chuyển sang BDS đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác	(2.520.000.000)	(442.399.936)		(2.962.399.936)
Số dư cuối kỳ	1.750.000.000	5.125.138.414	579.039.092	7.454.177.506
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ		(1.220.989.944)	(289.395.477)	(1.510.385.421)
- Số khấu hao trong kỳ	(69.999.996)	(791.543.999)	(18.461.737)	(880.005.732)
- Tặng khác (do hợp nhất)				
- Chuyển sang BDS đầu tư	(209.999.988)	(494.911.509)		(704.911.497)
- Thanh lý, nhượng bán		143.779.974		143.779.974
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	(279.999.984)	(2.363.665.478)	(307.857.214)	(2.951.522.677)
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	2.520.000.000	751.407.914	246.426.472	3.517.834.386
2. Tại ngày cuối kỳ	1.470.000.016	2.761.472.936	271.181.878	4.502.654.829

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	<i>Đơn vị tính: VND</i>
				Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ			305.000.000	305.000.000
- Mua trong kỳ		16.000.000	700.000.000	716.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh				-
- Số giảm trong năm				-
+ Thanh lý, nhượng bán				-
+ Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	-	16.000.000	1.005.000.000	1.021.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ			(58.458.334)	(58.458.334)
- Số khấu hao trong kỳ		(1.777.778)	(88.833.333)	(90.611.111)
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	-	(1.777.778)	(147.291.667)	(149.069.445)
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	246.541.666	246.541.666
2. Tại ngày cuối kỳ	-	14.222.222	857.708.333	871.930.555

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sửa chữa văn phòng		
Dự án khu nghỉ dưỡng (*)	374.473.300	
Mua sắm tài sản cố định	4.608.520.000	
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Cộng	<u>4.982.993.300</u>	

(*): Công ty đang đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Bảo Yên (Địa chỉ: Khu 2, xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ với tổng mức đầu tư: 13.382,4trđ, tiến độ từ quý 4/2007 hoàn thành quý 2/2009. Diện tích 4280 m2)

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu VISC	8.550.000.000	1.000.000.000
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	
Cộng	<u>8.650.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị Công cụ dụng cụ xuất dùng	57.479.469	57.121.281
- Chi phí sửa chữa văn phòng	238.461.035	20.088.305
- Chi phí sửa chữa xe	123.054.167	
Cộng	<u>418.994.671</u>	<u>77.209.586</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	4.249.081.400	
- Công ty CP CK công nghiệp và Thương mại VN (VISC)	1.349.081.400	
- Vay Công ty CP Văn hóa - Thông tin Thăng Long	2.900.000.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	639.848.832	
- Ngân hàng An Bình	375.000.000	
- Ngân hàng ANZ	191.765.844	
- Ngân hàng HSBC	73.082.988	
Cộng	<u>4.888.930.232</u>	

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT	188.969.129	121.200.583
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	858.563.094	118.503.496
- Thuế thu nhập cá nhân	45.243.423	
- Các loại thuế khác	241.164	10.615.038
Cộng	<u>1.093.016.810</u>	<u>250.319.117</u>

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí nhân công giao khoán	42.646.452	21.600.000
Cộng	<u>42.646.452</u>	<u>21.600.000</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội	26.143.222	6.497.000
- Bảo hiểm y tế	4.870.138	1.166.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.526.583	
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.207.290.521	
<i>Nhận đặt cọc của Công ty CP BĐS Megastar (*)</i>	<i>12.000.000.000</i>	
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>3.207.290.521</i>	<i>41.986.040</i>
Cộng	<u>15.246.830.464</u>	<u>49.649.040</u>

"Hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án tòa nhà, văn phòng thương mại dịch vụ tại ô đất ký hiệu 3-E9 khu đô thị mới Cầu Giấy, đường Phạm Hùng, TP Hà Nội với Công ty cổ phần BĐS Megastar

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay dài hạn</i>		
- Vay ngân hàng ANZ	233.134.922	591.748.764
- Vay ngân hàng HSBC	152.256.188	
- Vay ngân hàng An Bình	375.000.000	
- Vay đối tượng khác		
- <i>Nợ dài hạn</i>		
Cộng	<u>760.391.110</u>	<u>591.748.764</u>

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG

Phòng 502, 27 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000		41.096.823	749.828.408	15.790.925.231
Tăng vốn trong năm nay	93.477.000.000				93.477.000.000
Lãi trong năm nay				3.305.401.943	3.305.401.943
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác	(2.520.000.000)			(1.364.886.726)	(3.884.886.726)
Số dư cuối năm nay	105.957.000.000		41.096.823	2.690.343.625	108.688.440.448

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đã góp tại 31/12/2009	VND	VND
	%		VND
Cổ đông sáng lập	28%	29.667.960.000	15.000.000.000
Cổ đông khác	72%	76.289.040.000	
Cộng	100%	105.957.000.000	15.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Doanh thu bán hàng	6.049.600.556	6.761.843.792
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	<u>6.049.600.556</u>	<u>6.761.843.792</u>

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Doanh thu bán hàng	6.049.600.556	6.761.843.792
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây lắp		
Cộng	<u>6.049.600.556</u>	<u>6.761.843.792</u>

28. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Giá vốn hàng hóa đã bán	3.664.056.011	4.620.288.181
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		
Cộng	<u>3.664.056.011</u>	<u>4.620.288.181</u>

29. Doanh thu tài chính

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.121.068.360	7.398.641
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	24.705.995.534	
Cộng	<u>25.827.063.894</u>	<u>7.398.641</u>
(*) Đầu tư chứng khoán Vics		

30. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Chi phí lãi vay	372.849.613	96.498.523
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Chi phí hoạt động tài chính khác (*)	18.908.966.415	
Cộng	<u>19.281.816.028</u>	<u>96.498.523</u>

(*) Lỗ từ chuyển nhượng CP Công ty Đầu tư Quốc tế Vạn Xuân và chuyển nhượng CP Vàng Lộc Xuân

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.820.804.370	6.391.790
Điều chỉnh tăng	405.010.463	88.242.160
Điều chỉnh giảm	246.731.370	
Thu nhập chịu thuế	4.979.083.463	94.633.950
Thuế suất	25%	28%
Số thuế TNDN được giảm	373.431.260	
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	<u>871.339.606</u>	<u>26.497.506</u>

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.556.724	1.039.500
- Chi phí nhân công	2.351.360.060	1.443.736.842
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.531.748.367	476.954.351
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.061.743.863	4.382.455.947
- Chi phí khác bằng tiền	401.643.759	97.263.981
Cộng	<u>7.365.052.773</u>	<u>6.401.450.621</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG
 Phòng 502, 27 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

2. Các giao dịch lớn trong năm

STT	Đối tượng	Giao dịch	Số tiền
1	Công ty Đầu tư Bất động sản Hà Thành	Cho vay	22.782.500.000
2	Công ty CP kinh doanh Vàng Quốc tế	Cho vay	20.000.000.000
2	Hồ Văn Dũng	Ủy thác mua cổ phần chứng khoán Vics	38.437.000.000
3	Hồ Văn Dũng	Lãi thu từ ủy thác đầu tư	2.745.500.000
	Tổng cộng		63.965.000.000

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

STT	Đối tượng	Giao dịch	Số tiền
1	Công ty CP Chứng khoán thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Thu tiền phạt hợp đồng thuê tầng 3, tòa nhà Oasis, 19 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	1.093.688.964
2	Công ty CP Óc Đảo	Tiền phạt hợp đồng thuê tầng 3, tòa nhà Oasis, 19 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	1.095.194.100

Người lập

Phạm Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng

Trần Xuân Đại Thăng



Hồ Thanh Hương



